

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3603000168 ngày 3 tháng 5 năm 2006.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các lần sửa đổi sau đó do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp.

Hội Đồng Quản trị

Ông Huỳnh Tấn Nam	Chủ tịch
Ông Đỗ Quang Hoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Thành viên
Ông Choo Yan Ho	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Huỳnh Tấn Nam	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Niên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mỹ Khang	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Huỳnh Tấn Nam	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Trụ sở chính

166-170 Nguyễn Huệ, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc

Huỳnh Tấn Nam
Tổng Giám đốc

Tỉnh Phú Yên, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Pymepharco (“Công ty”) được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 28 tháng 3 năm 2011. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Quách Thành Châu
Số chứng chỉ KTV: N.0875/KTV
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: N.0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2736
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2010 VNĐ	2009 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		511.844.617.258	492.999.111.244
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.127.349.975	4.308.848.130
111	Tiền		2.127.349.975	4.308.848.130
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	30.000.000
121	Đầu tư ngắn hạn		-	30.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		255.492.791.537	245.429.808.905
131	Phải thu khách hàng	4	247.412.110.960	241.512.165.183
132	Trả trước cho người bán		8.260.405.560	4.704.092.523
135	Các khoản phải thu khác	5	1.178.887.931	2.043.271.177
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4	(1.358.612.914)	(2.829.719.978)
140	Hàng tồn kho	6	230.402.292.148	221.927.313.262
141	Hàng tồn kho		231.178.111.281	222.703.132.395
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(775.819.133)	(775.819.133)
150	Tài sản ngắn hạn khác		23.822.183.598	21.303.140.947
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	7	3.271.035.032	7.075.160.014
152	Thuế GTGT được khấu trừ		1.918.706.842	4.231.153.873
158	Tài sản ngắn hạn khác	8	18.632.441.724	9.996.827.060
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		244.021.480.342	231.595.979.207
220	Tài sản cố định		235.758.703.264	226.945.335.362
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	191.809.305.119	184.481.930.486
222	Nguyên giá		268.817.761.835	237.931.114.966
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(77.008.456.716)	(53.449.184.480)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	29.762.986.637	33.576.740.982
228	Nguyên giá		31.472.723.990	35.113.675.990
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.709.737.353)	(1.536.935.008)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9(c)	14.186.411.508	8.886.663.894
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		7.191.400.000	2.191.400.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết	10	5.472.000.000	472.000.000
258	Đầu tư dài hạn khác	11	1.719.400.000	1.719.400.000
260	Tài sản dài hạn khác		1.071.377.078	2.459.243.845
261	Chi phí trả trước dài hạn		562.568.874	1.123.603.845
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12	213.443.204	1.232.775.000
268	Tài sản dài hạn khác		295.365.000	102.865.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		755.866.097.600	724.595.090.451

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2010 VNĐ	2009 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		442.042.619.077	464.929.535.376
310	Nợ ngắn hạn		373.619.014.357	382.641.151.418
311	Vay và nợ ngắn hạn	13(a)	254.945.585.944	224.404.140.025
312	Phải trả người bán	14	73.190.367.949	110.121.735.005
313	Người mua trả tiền trước		698.303.307	3.236.196.464
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	13.527.092.566	14.048.974.996
316	Chi phí phải trả	16	991.882.072	10.073.443.573
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	24.796.580.542	16.110.492.893
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.469.201.977	4.646.168.462
330	Nợ dài hạn		68.423.604.720	82.288.383.958
333	Phải trả dài hạn khác		-	320.680.000
334	Vay và nợ dài hạn	13(b)	65.625.742.436	79.684.722.090
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		2.797.862.284	2.282.981.868
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		313.823.478.523	259.665.555.075
410	Vốn chủ sở hữu		313.823.478.523	259.665.555.075
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18	85.000.000.000	85.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	150.089.184.816	150.089.184.816
417	Quỹ đầu tư phát triển	19	17.234.932.660	11.436.668.872
418	Quỹ dự phòng tài chính	19	1.171.752.199	486.231.599
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19	60.327.608.848	12.653.469.788
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		755.866.097.600	724.595.090.451

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 2.547 đô la Mỹ (2009: 2.309 đô la Mỹ).

Nguyễn Ngọc Tùng
Kế toán trưởng

Huỳnh Tấn Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng	792.186.837.777	687.262.301.270
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(11.447.049.334)	(5.559.179.486)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	780.739.788.443	681.703.121.784
11	Giá vốn hàng bán	(473.477.940.816)	(448.384.596.643)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	307.261.847.627	233.318.525.141
21	Doanh thu hoạt động tài chính	3.193.093.952	10.763.630.000
22	Chi phí tài chính	(46.084.766.631)	(35.287.803.000)
24	Chi phí bán hàng	(148.395.978.392)	(128.786.246.048)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(22.488.640.000)	(20.931.959.047)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	93.485.556.556	59.076.147.046
40	Thu nhập khác (số thuần)	1.491.744.841	426.295.858
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	94.977.301.397	59.502.442.904
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(12.380.360.753)	(12.416.027.889)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.019.331.796)	290.025.757
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	81.577.608.848	47.376.440.772
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.597	5.574

Nguyễn Ngọc Tùng
Kế toán trưởng

Huỳnh Tấn Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	94.977.301.397	59.502.442.904
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	23.732.074.581	21.461.906.488
03	Các khoản dự phòng	(1.471.107.064)	3.605.539.111
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23 1.971.169.470	6.202.931.567
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(699.760.000)	-
06	Chi phí lãi vay	23 42.932.326.003	28.968.868.000
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	161.442.004.387	119.741.688.070
09	Tăng các khoản phải thu	(15.821.919.273)	(43.862.452.577)
10	Tăng hàng tồn kho	(8.474.978.886)	(31.668.547.395)
11	Giảm các khoản phải trả	(49.093.117.463)	(45.824.717.139)
12	Giảm các chi phí trả trước	5.067.541.298	230.667.141
13	Lãi vay đã trả	(43.634.707.348)	(29.442.174.243)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	(14.161.926.941)	(3.277.590.000)
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	55.293.810
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	(590.974.345)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	35.322.895.774	(34.638.806.678)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	(34.821.129.483)	(18.181.190.586)
24	Thu từ bán lại các trái phiếu chính phủ	-	20.000.000
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(659.288.000)	(1.419.400.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.000.000	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(35.450.417.483)	(19.580.590.586)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	519.569.055.070	532.665.898.313
34	Chi trả nợ gốc vay	(503.095.446.776)	(460.200.911.198)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông	(18.511.767.596)	(16.545.351.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(2.038.159.302)	55.919.636.115
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(2.165.681.011)	1.700.238.851
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4 4.308.848.130	2.608.609.279
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	(15.817.144)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4 2.127.349.975	4.308.848.130